

Hệ thống tim phổi nhân tạo ECMO

CAPIOX™ EBS™

CAPIOX Centrifugal Pump Controller SP-300

Tích hợp các tính năng theo dõi nâng cao, vận hành dễ dàng.



Giám sát tối ưu cho quản lý dài hạn

- 2 kênh cảm biến lưu lượng / bọt khí
- 3 kênh cảm biến áp lực
- Hiển thị chỉ số ΔP
- 2 kênh cảm biến SO_2

Thiết kế tiện dụng vượt trội

Giá đỡ siêu nhẹ và tay quay linh hoạt.

Tương thích

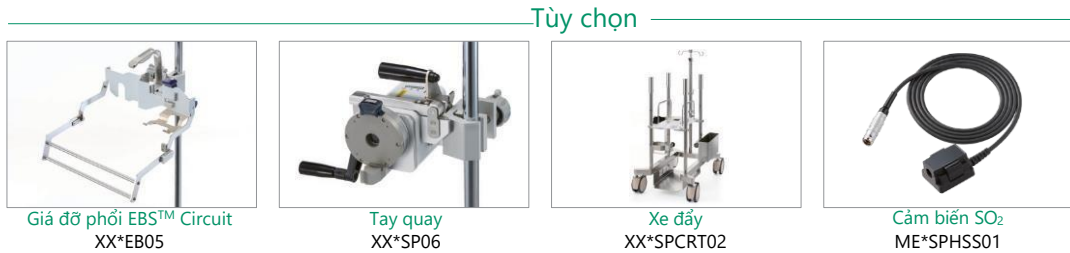
Sử dụng với bộ phổi CAPIOX EBS quen thuộc

TERUMO
CARDIOVASCULAR

Technology inspired for life.™

Các bộ phận của hệ thống tuần hoàn ngoài cơ thể CAPIOX SP-300 (Mã hàng)

Cơ bản



* Cáp cảm biến tương thích với cảm biến chuẩn ANSI/AAMI BP22:1994.

Thông số kỹ thuật

Mã hàng	ME*SP300C3
Tốc độ mô-tơ	0 tới 3000 VÒNG/PHÚT (sai số $\pm 1.5\%$ (1000 VÒNG/PHÚT hoặc lớn hơn))
Dải lưu lượng	-9.99 tới 9.99 (Lít/phút)
Độ chính xác đo lưu lượng	$\pm 10\%$ (trong khoảng -7,00 đến -1,01 L/phút và 1,01 đến 7,00 L/phút) $\pm 0,1$ L/phút (trong khoảng -1,00 đến 1,00 L/phút) (Điều kiện đo: sử dụng dây dẫn mẫu tiêu chuẩn *, Hemoglobin 6 đến 12 g/dL, nhiệt độ 37 °C, sau 10 phút kể từ khi khởi động nguồn cho cảm biến ABD/lưu lượng)
Chức năng phát hiện bọt khí	Phát hiện bọt khí có thể tích từ 0,2 cm ³ trở lên (Điều kiện đo: sử dụng dây dẫn mẫu tiêu chuẩn*, lưu lượng $\leq 7,00$ L/phút)
Dải nhiệt độ	-5.00 tới 55.0 °C
Độ chính xác đo nhiệt độ	± 0.3 °C
Dải áp lực	-550 tới 950 mmHg
Độ chính xác đo áp lực	$\pm 3\%$ (-500 tới -100 mmHg và 100 tới 900 mmHg) ± 3 mmHg (-100 tới 100 mmHg)
Dải đo O2 bão hòa	30 tới 100%
Độ chính xác đo O2 bão hòa	$\pm 5\%$ FS (65 tới 100%, nhiệt độ môi trường 23 ± 3 °C) (Điều kiện đo: sử dụng dây dẫn mẫu tiêu chuẩn*, lưu lượng ≥ 1 L/phút, nhiệt độ dung dịch 37 °C)
Dải đo Hemoglobin	4.9 tới 16.3 g/dL
Độ chính xác đo Hemoglobin	$\pm 1,8$ g/dL; trong phạm vi $\pm 1,5$ g/dL so với giá trị hiệu chuẩn, áp dụng cho dải nồng độ từ 9,8 đến 13,0 g/dL (Điều kiện đo: sử dụng dây dẫn mẫu tiêu chuẩn*, lưu lượng ≥ 1 L/phút, nhiệt độ dung dịch 37 °C, nhiệt độ môi trường 23 ± 3 °C)
Dải đo Hematocrit	15 tới 50%
Độ chính xác đo Hematocrit	$\pm 7\%$; trong phạm vi $\pm 5\%$ so với giá trị hiệu chuẩn, áp dụng cho dải từ 30% đến 40% (Điều kiện đo: sử dụng dây dẫn mẫu tiêu chuẩn *, lưu lượng ≥ 1 L/phút, nhiệt độ dung dịch 37 °C, nhiệt độ môi trường 23 ± 3 °C)
Nguồn điện	AC100-240V 50-60Hz
Tiêu thụ điện	250VA (Trạng thái ổn định) 400VA (Cao nhất: Trong khi tăng tốc mô-tơ và tự động mỗi dịch)
Pin tích hợp	Thời gian hoạt động liên tục: 1 tiếng hoặc lâu hơn (trong điều kiện sạc đầy pin, mô-tơ quay tốc độ 2500 VÒNG/PHÚT, lưu lượng 4.00 (Lít/phút), tất cả cảm biến đang hoạt động, nhiệt độ môi trường 25 °C, Pin mới) Thời gian sạc đầy: 6 tiếng hoặc ít hơn
Tiêu chuẩn chống sốc điện	Thiết bị loại I và thiết bị có nguồn điện bên trong, phần tiếp xúc loại CF chống sốc điện khử rung tim
Kích thước (Rộng x Cao x Sâu)	164 x 282 x 318 mm không bao gồm tay nắm, đế cao su và các chi tiết mở rộng bên ngoài
Khối lượng	7.6 kg

* Dây dẫn mẫu tiêu chuẩn: Ống sử dụng trong bộ dây với mã sản phẩm CX*XSA và CX*XSB (ngoại trừ các mẫu tùy chỉnh), đường kính trong (ID) 9,5 mm (3/8 inch), chất liệu: PVC



TERUMO CORPORATION
2-44-1 Hatagaya, Quận Shibuya, Tokyo, 151-0072, Nhật Bản

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ TERUMO VIỆT NAM
Tầng 14, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường
Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: +84 24 3936 1643
Fax: +84 24 3936 164

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ TERUMO VIỆT NAM
Chi nhánh TP. HCM
Phòng 4, Tầng 4, Tháp A, Tòa nhà Viettel, 285 Cách Mạng
Tháng Tám, phường Hòa Hưng, TPHCM, Việt Nam. Điện
thoại: +84 28 6660 0326

Số đăng ký lưu hành: 2502939ĐKLH/BYT-HTTB **Chủ sở hữu số đăng ký lưu hành:** Công ty TNHH Thiết bị Y tế Terumo Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà GEXLEXIMCO, 36 Hoàng Cầu, P. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.
Hãng, nước sản xuất: Terumo Corporation – ME Center, Nhật Bản
Số văn bản công khai hình thức và nội dung quảng cáo: 136/25-CKQC-Terumo

Tất cả tên thương hiệu đều là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký thuộc sở hữu của TERUMO CORPORATION, các công ty liên kết hoặc bên thứ ba không liên quan.
© TERUMO CORPORATION. Tháng 01 năm 2025.